

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2009/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước****TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC***Căn cứ Luật kiểm toán nhà nước;**Căn cứ Nghị quyết số 916/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 15/9/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Kiểm toán Nhà nước;**Căn cứ Nghị quyết số 1002/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03/3/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn cụ thể của từng ngạch Kiểm toán viên nhà nước;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 556/QĐ-KTNN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn kiểm toán nhà nước, các thành viên của Đoàn kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Vương Đình Huệ

QUY CHẾ**tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước**

(ban hành kèm theo Quyết định số 05/2009/QĐ-KTNN ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là Đoàn kiểm toán) quy định về tổ chức, hoạt động, mối quan hệ công tác, lễ lối làm việc, khen thưởng đối với Đoàn kiểm toán; khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng đoàn và các thành viên trong Đoàn kiểm toán, nhằm tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm của Đoàn kiểm toán và các thành viên, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm toán.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn kiểm toán

Đoàn kiểm toán hoạt động theo chế độ thủ trưởng và nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, trung thực, khách quan.

Khi tiến hành kiểm toán, các thành viên của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ Luật kiểm toán nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, hệ thống chuẩn mực, quy trình và các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán, các

quy định của Quy chế này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm toán đã thực hiện.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Quy chế này là các Đoàn kiểm toán được thành lập theo quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II**TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Điều 4. Thành lập và giải thể Đoàn kiểm toán

Việc thành lập và giải thể Đoàn kiểm toán được quy định tại Điều 43 Luật kiểm toán nhà nước, cụ thể như sau:

1. Đoàn kiểm toán được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán theo đề nghị của Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành hoặc Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước khu vực.

096.1602

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Đoàn kiểm toán tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán.

Điều 5. Thành phần Đoàn kiểm toán

1. Theo quy định tại Điều 44 và khoản 1 Điều 49 Luật kiểm toán nhà nước, Đoàn kiểm toán gồm có Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, các Tổ trưởng, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định danh sách các thành viên của Đoàn kiểm toán và chỉ định Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán theo đề nghị của Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành hoặc Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước khu vực.

2. Để thuận tiện cho việc quản lý cán bộ, khi tổ chức Đoàn kiểm toán, các Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực cần lưu ý việc bố trí các Kiểm toán viên nhà nước cùng một phòng chuyên môn trong một Tổ hoặc Đoàn kiểm toán.

Trường hợp cần thiết phải có sự bố trí khác thì Kiểm toán viên nhà nước tham gia Đoàn kiểm toán phải chịu sự quản lý của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện kiểm toán, khi kết thúc nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản về tình

hình và kết quả công tác của mình cho trưởng phòng chuyên môn, có xác nhận của Trưởng Đoàn kiểm toán về kết quả công tác và tinh thần thái độ làm việc của Kiểm toán viên nhà nước đó.

3. Trong mỗi Tổ kiểm toán không được bố trí số Kiểm toán viên dự bị và thành viên khác quá 1/3 tổng số thành viên trong Tổ. Trường hợp đặc biệt do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

Điều 6. Tiêu chuẩn Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Trưởng đoàn, Phó trưởng Đoàn kiểm toán phải có đủ các tiêu chuẩn của Kiểm toán viên nhà nước theo quy định tại Điều 29 của Luật kiểm toán nhà nước và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

b) Đã có thời gian làm việc liên tục từ 9 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm Kiểm toán viên ở Kiểm toán Nhà nước từ 7 năm trở lên;

c) Là Kiểm toán viên chính hoặc giữ các chức danh từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên;

d) Trường hợp đặc biệt do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

2. Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải có đủ các tiêu chuẩn của Kiểm toán viên nhà

nước theo quy định tại Điều 29 Luật kiểm toán nhà nước và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

b) Đã có thời gian làm việc liên tục từ 7 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm Kiểm toán viên ở Kiểm toán Nhà nước từ 3 năm trở lên;

c) Là Kiểm toán viên chính hoặc giữ các chức danh từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên;

d) Trường hợp đặc biệt do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm toán

Theo quy định tại Điều 45 Luật kiểm toán nhà nước, Trưởng Đoàn kiểm toán có những nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng, trình Kiểm toán trưởng để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán trên cơ sở mục tiêu, nội dung và phạm vi kiểm toán đã được ghi trong quyết định kiểm toán; chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết của các Tổ kiểm toán;

b) Phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán; chỉ đạo, điều hành Đoàn kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;

c) Tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, quy trình, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán, ghi chép và lưu trữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

d) Duyệt biên bản kiểm toán của các Tổ kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán. Tổ chức thảo luận trong Đoàn kiểm toán để thống nhất ý kiến về việc đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán;

đ) Bảo vệ kết quả kiểm toán được ghi trong báo cáo kiểm toán trước Kiểm toán trưởng và cùng Kiểm toán trưởng bảo vệ kết quả đó trước Tổng Kiểm toán Nhà nước; tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được Tổng Kiểm toán Nhà nước thông qua với đơn vị được kiểm toán; ký báo cáo kiểm toán;

e) Quản lý các thành viên của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

g) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Kiểm toán trưởng về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình

và kết quả hoạt động kiểm toán để Kiểm toán trưởng báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán; triệu tập người làm chứng theo đề nghị của Kiểm toán viên nhà nước;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước ra quyết định kiểm tra tài khoản của đơn vị được kiểm toán hoặc cá nhân có liên quan tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật; kiến nghị với Tổng Kiểm toán Nhà nước niêm phong tài liệu của đơn vị được kiểm toán khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có hành vi sửa đổi, chuyển dời, cất giấu, hủy hoại tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

d) Yêu cầu Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng và các thành viên trong Đoàn kiểm toán báo cáo kết quả kiểm toán; khi có ý kiến khác nhau trong Đoàn kiểm toán về kết quả kiểm toán thì Trưởng Đoàn kiểm toán được quyền quyết định và chịu trách

nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo ý kiến khác nhau đó với Kiểm toán trưởng;

đ) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán;

e) Đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật của đơn vị được kiểm toán;

g) Tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong Đoàn kiểm toán từ Tổ trưởng Tổ kiểm toán trở xuống khi họ có sai phạm làm ảnh hưởng đến hoạt động của Đoàn kiểm toán và báo cáo ngay cho Kiểm toán trưởng; trường hợp có sai phạm nghiêm trọng phải báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước;

h) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác trong Đoàn kiểm toán khi có thành tích đột xuất hoặc có sai phạm trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Kiểm toán trưởng và Tổng Kiểm toán Nhà nước về hoạt động của Đoàn kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan

của những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán;

c) Chịu trách nhiệm liên đới về những hành vi vi phạm của các thành viên trong Đoàn kiểm toán;

d) Bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Chịu trách nhiệm về quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ đối với các thành viên trong Đoàn kiểm toán từ Tổ trưởng trở xuống.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó trưởng Đoàn kiểm toán

1. Phó trưởng Đoàn kiểm toán là người giúp việc Trưởng Đoàn kiểm toán, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn kiểm toán về nhiệm vụ được phân công.

2. Trường hợp Phó trưởng Đoàn kiểm toán kiêm nhiệm Tổ trưởng Tổ kiểm toán thì ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán theo quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

Theo quy định tại Điều 47 Luật kiểm toán nhà nước, Tổ trưởng Tổ kiểm toán

có những nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết trình Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết sau khi đã được phê duyệt;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Tổ kiểm toán;

c) Chỉ đạo, điều hành các thành viên trong Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc thu nhập bằng chứng kiểm toán; ghi chép nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Đoàn kiểm toán về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả kiểm toán;

e) Tổng hợp kết quả kiểm toán của các thành viên trong Tổ kiểm toán để lập biên bản kiểm toán; tổ chức thảo luận trong Tổ kiểm toán để thống nhất về đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong biên bản kiểm toán;

g) Bảo vệ kết quả kiểm toán được ghi trong biên bản kiểm toán trước Trưởng

Đoàn kiểm toán; tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được Trưởng đoàn thông qua với đơn vị được kiểm toán; ký biên bản kiểm toán;

h) Thừa ủy quyền Trưởng Đoàn kiểm toán quản lý các thành viên của Tổ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong biên bản kiểm toán;

d) Báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý những thành viên Tổ kiểm toán có sai phạm để Trưởng Đoàn kiểm toán xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

3. Trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn kiểm toán về hoạt động của Tổ kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của những đánh giá, xác nhận, kết luận

và kiến nghị trong biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán;

c) Chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan đến công tác của Tổ kiểm toán theo yêu cầu của Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc đơn vị, cá nhân có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm liên đới về hành vi vi phạm của các thành viên trong Tổ kiểm toán.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm toán viên nhà nước

Theo quy định tại Điều 30 và Điều 48 Luật kiểm toán nhà nước, Kiểm toán viên nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Nhiệm vụ:

a) Hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công với Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

b) Khi tiến hành kiểm toán chỉ tuân theo pháp luật và những quy định hiện hành về kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, tuân thủ nguyên tắc, chuẩn mực, quy trình và các quy định khác về kiểm toán của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

c) Thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác của Kiểm toán viên nhà nước, lưu giữ, bảo quản hồ sơ kiểm

toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

d) Chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán;

đ) Chấp hành kỷ luật công tác của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Khi thực hiện kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;

b) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Sử dụng thông tin, tài liệu của cộng tác viên kiểm toán; xem xét tất cả tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán; thu thập và bảo vệ tài liệu và bằng chứng khác; quan sát quy trình hoạt động của đơn vị được kiểm toán;

d) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công; báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc Kiểm toán trưởng xem xét, nếu không thống nhất thì báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Yêu cầu Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán làm rõ những

lý do thay đổi đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị của mình trong biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán;

e) Đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán triệu tập người làm chứng để thu thập bằng chứng kiểm toán cần thiết; đề nghị đơn vị được kiểm toán triệu tập họp đơn vị và giải trình về những vấn đề liên quan đến việc kiểm toán; đề nghị mời chuyên gia, cộng tác viên kiểm toán khi cần thiết;

g) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả; được đơn vị kiểm toán bố trí địa điểm làm việc trong trường hợp việc kiểm toán được thực hiện tại đơn vị được kiểm toán;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; đưa ra ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán trên cơ sở thu thập đầy đủ và đánh giá các bằng chứng kiểm toán thích hợp;

b) Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc hoạt động, chuẩn mực, quy trình, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán

nhà nước và các quy định khác có liên quan của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về những bằng chứng, đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị của mình;

d) Thu thập bằng chứng kiểm toán, ghi sổ nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác của Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm toán;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước phải xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

g) Thường xuyên học tập và rèn luyện để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước, bảo đảm có đủ năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao;

h) Khai báo kịp thời và đầy đủ với người ra quyết định thành lập Đoàn kiểm toán khi có trường hợp quy định tại Điều 31 của Luật kiểm toán nhà nước và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

i) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm toán viên dự bị

1. Kiểm toán viên dự bị có các nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Quy chế này;

b) Tổng hợp kết quả kiểm toán, đưa ra các ý kiến nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị theo từng nội dung được phân công và báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán để xem xét, tổng hợp. Tổ trưởng Tổ kiểm toán hoặc Kiểm toán viên được phân công phụ trách chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, kết luận và kiến nghị của Kiểm toán viên dự bị.

2. Kiểm toán viên dự bị có các quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện các quyền hạn quy định tại các điểm e, g, h khoản 2 Điều 10 Quy chế này;

b) Đề nghị Tổ trưởng Tổ kiểm toán yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán.

3. Kiểm toán viên dự bị có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 3, Điều 10 Quy chế này;

b) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán các ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán trên cơ sở thu thập đầy đủ và đánh giá các bằng chứng kiểm toán thích hợp;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán về nhiệm vụ được giao;

d) Giải trình các vấn đề có liên quan đến phần việc kiểm toán được phân công theo yêu cầu của Tổ trưởng, Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc Kiểm toán trưởng, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên khác

1. Cộng tác viên kiểm toán

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng;

b) Hoàn thành nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

c) Tuân thủ chuẩn mực, quy trình và phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ

kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và Quy chế này;

d) Ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Kiểm toán Nhà nước.

đ) Chịu trách nhiệm trước Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ; khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Các thành viên khác của Đoàn kiểm toán do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như đối với Kiểm toán viên dự bị quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Trường hợp Kiểm toán viên nhà nước không được thực hiện kiểm toán

1. Các trường hợp quy định tại Điều 3 Luật kiểm toán nhà nước:

a) Góp vốn, mua cổ phần hoặc có quan hệ khác về lợi ích kinh tế với đơn vị được kiểm toán;

b) Đơn vị được kiểm toán mà mình đã làm lãnh đạo, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán trong thời hạn ít nhất là năm năm kể từ khi chuyển công tác;

c) Có quan hệ là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố

vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với người đứng đầu, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán của đơn vị được kiểm toán.

2. Kiểm toán viên nhà nước đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị thu hồi thẻ kiểm toán viên nhà nước.

3. Khi có các trường hợp quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán nhà nước (khoản 1 Điều này) thì Kiểm toán viên nhà nước phải có trách nhiệm khai báo với Kiểm toán trưởng trước khi trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán nếu phát hiện các tình huống làm ảnh hưởng đến tính độc lập của mình thì Kiểm toán viên nhà nước phải khai báo ngay với Trưởng Đoàn kiểm toán để báo cáo Kiểm toán trưởng trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thay thế theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 14. Thay thế thành viên Đoàn kiểm toán

Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán bị thay thế trong các trường hợp sau:

1. Có các trường hợp được quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán nhà nước (khoản 1 Điều 13 của Quy chế này) và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến

tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước.

2. Do đơn vị được kiểm toán đề nghị thay thế khi có bằng chứng cho thấy thành viên Đoàn kiểm toán đó không vô tư trong khi làm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật kiểm toán nhà nước. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh làm rõ.

3. Ngoài các trường hợp, tình huống quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác còn bị thay thế trong các trường hợp sau đây:

a) Trưởng đoàn, Phó trưởng Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc liên tục từ 10 ngày trở lên;

b) Tổ trưởng, Kiểm toán viên nhà nước, các thành viên khác của Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc liên tục từ 05 ngày trở lên.

4. Thủ tục đề nghị thay thế thành viên Đoàn kiểm toán được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thay thế Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước, các thành viên khác của Đoàn kiểm toán do Trưởng Đoàn kiểm toán đề nghị Kiểm toán trưởng trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định;

b) Trường hợp thay thế Trưởng đoàn, Phó trưởng Đoàn kiểm toán do Kiểm toán trưởng đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

Điều 15. Tạm đình chỉ thành viên Đoàn kiểm toán

1. Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán bị tạm đình chỉ trong các trường hợp sau đây:

a) Có các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật kiểm toán nhà nước (khoản 1 Điều 16 của Quy chế này);

b) Vi phạm đạo đức nghề nghiệp làm ảnh hưởng nghiêm trọng uy tín và hoạt động của Đoàn kiểm toán;

c) Cố tình che dấu các trường hợp quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán nhà nước (khoản 1 Điều 13 của Quy chế này).

2. Thảm quyền tạm đình chỉ

a) Kiểm toán trưởng tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của Trưởng đoàn kiểm toán, Phó trưởng đoàn khi họ có hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này và phải báo cáo ngay Tổng Kiểm toán Nhà nước;

b) Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán khi họ có những hành

vi quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo ngay cho Kiểm toán trưởng; trường hợp có sai phạm nghiêm trọng phải báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật kiểm toán nhà nước thì các hành vi sau đây bị nghiêm cấm đối với Kiểm toán Nhà nước và Kiểm toán viên nhà nước:

a) Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đơn vị được kiểm toán;

b) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm toán;

c) Nhận hối lộ dưới mọi hình thức;

d) Báo cáo sai lệch, không đầy đủ kết quả kiểm toán;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi;

e) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp của đơn vị được kiểm toán;

g) Tiết lộ thông tin về tình hình và kết quả kiểm toán chưa được công bố chính thức;

h) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát ngôn tùy tiện, gây chia rẽ nội bộ, mất đoàn kết làm tổn hại đến uy tín

của Đoàn kiểm toán và của Kiểm toán Nhà nước, ảnh hưởng đến quan hệ giữa Đoàn kiểm toán và đơn vị được kiểm toán.

Điều 17. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán

1. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán

Khi cần có sự thay đổi về những nội dung ghi trong quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán thì Trưởng Đoàn kiểm toán phải báo cáo bằng văn bản với Kiểm toán trưởng để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định và chỉ được thực hiện sau khi đã được Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định bằng văn bản.

2. Thay đổi nội dung kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán ngay sau khi triển khai kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán và chỉ đạo các thành viên trong Tổ thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo đúng kế hoạch kiểm toán chi tiết đã được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt. Thời gian hoàn thành kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán do Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định phù hợp với tình hình, đặc điểm, nhiệm vụ kiểm toán được giao.

Khi cần có sự thay đổi về những nội dung trong kế hoạch kiểm toán chi tiết, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo bằng văn bản với Trưởng Đoàn kiểm toán và chỉ được thực hiện sau khi đã được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt;

b) Chậm nhất là 01 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét, phê duyệt. Trường hợp vì lý do khách quan mà Trưởng Đoàn kiểm toán không thể trực tiếp phê duyệt được thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán có thể báo cáo xin ý kiến Trưởng Đoàn kiểm toán bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác, nhưng ngay sau đó phải gửi văn bản đề nghị đến Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt;

c) Các trường hợp thay đổi, bổ sung kế hoạch kiểm toán chi tiết phải phù hợp với mục tiêu, nội dung kiểm toán, đơn vị được kiểm toán đã được Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán và phải báo cáo Kiểm toán trưởng, trường hợp cần thiết phải báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 18. Kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm tổ

chức kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán. Trường Đoàn kiểm toán và các thành viên trong Đoàn kiểm toán phải chịu sự kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán của Kiểm toán trưởng và các đơn vị có thẩm quyền theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quy trình kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán do Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định.

Điều 19. Niêm phong tài liệu

1. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, khi xét thấy cần bảo đảm nguyên trạng tài liệu, Trường Đoàn kiểm toán báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định việc niêm phong một phần hoặc toàn bộ tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán. Quyết định niêm phong tài liệu phải bằng văn bản và ghi rõ tài liệu cần niêm phong, thời gian niêm phong, nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán, danh mục tài liệu niêm phong, người được khai thác tài liệu niêm phong.

2. Khi tiến hành niêm phong phải lập biên bản có chữ ký của đại diện đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán.

3. Khi cần thiết phải ngăn chặn kịp thời các hành vi sửa đổi, chuyển dời, cất giấu, hủy hoại tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán của đơn vị được kiểm toán, được sự ủy quyền của Tổng Kiểm

toán Nhà nước, Trường Đoàn kiểm toán quyết định việc niêm phong và thực hiện theo các quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, đồng thời báo cáo ngay với Kiểm toán trưởng và Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc niêm phong đó.

4. Khi xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp niêm phong thì người quyết định niêm phong phải ra quyết định hủy bỏ ngay biện pháp đó.

Điều 20. Kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ

1. Khi tiến hành kiểm toán nếu phát hiện giữa sổ kế toán, chứng từ kế toán với thực tế có chênh lệch, bất hợp lý hoặc có dấu hiệu chiếm đoạt, chiếm dụng tài sản liên quan đến nội dung kiểm toán thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải kịp thời báo cáo và đề nghị với Trường Đoàn kiểm toán để yêu cầu đơn vị được kiểm toán kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ.

2. Quá trình chứng kiến kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải có từ hai thành viên trở lên.

3. Việc kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải được lập thành biên bản ghi rõ danh mục, số liệu, số lượng kiểm kê, đối chiếu thực tế, thời gian, địa điểm tiến hành, tình trạng tài sản; biên bản phải có chữ ký của đại diện đơn vị được kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán chứng kiến việc kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ.

Điều 21. Trưng cầu giám định

1. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, khi xét thấy cần có sự đánh giá về chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận thì Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Kiểm toán trưởng đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định phải bằng văn bản ghi rõ yêu cầu, nội dung, thời gian thực hiện, cơ quan, tổ chức giám định.

2. Cơ quan, tổ chức tiến hành giám định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan của kết quả giám định.

Điều 22. Kiểm tra tài khoản của cá nhân có liên quan

Trong quá trình kiểm toán, nếu phát hiện bằng chứng cho thấy việc chuyển tiền của đơn vị được kiểm toán cho cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước ra quyết định kiểm tra tài khoản của cá nhân có liên quan đó theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xác minh, điều tra

Khi cần xác minh, điều tra, đối chiếu số liệu với cá nhân và các tổ chức bên ngoài đơn vị được kiểm toán thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo xin ý kiến bằng văn bản với Trưởng Đoàn kiểm toán Văn bản đề nghị phải ghi rõ

tên cá nhân, tổ chức và nội dung cần xác minh, điều tra, đối chiếu, phương pháp tiến hành, thời gian thực hiện. Việc tiến hành xác minh, điều tra, đối chiếu phải có từ 02 thành viên trở lên. Khi kết thúc công việc, người thực hiện phải báo cáo ngay với Tổ trưởng Tổ kiểm toán, trưởng hợp cần thiết phải báo cáo Trưởng đoàn kiểm toán.

Chương III

QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ
LỀ LỐI LÀM VIỆC

Điều 24. Chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán

1. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải tuân thủ sự chỉ đạo của Kiểm toán trưởng. Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán và các thành viên của Đoàn kiểm toán chịu sự kiểm tra, giám sát của Kiểm toán trưởng và các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Trong chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán trưởng có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Trình Tổng Kiểm toán Nhà nước ra quyết định kiểm toán.

Để phục vụ cho việc ra quyết định kiểm toán, Kiểm toán trưởng có trách nhiệm tổ

chức thu thập thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung kiểm toán, đơn vị được kiểm toán; dự kiến thời hạn tiến hành kiểm toán; lựa chọn Trưởng Đoàn kiểm toán, bố trí thành viên Đoàn kiểm toán và chuẩn bị các điều kiện khác phục vụ cuộc kiểm toán;

b) Thông qua kế hoạch kiểm toán của Đoàn kiểm toán để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt;

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán;

d) Thông qua báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên tổ kiểm toán phải thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Tổ trưởng Tổ kiểm toán. Kiểm toán viên nhà nước nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn kiểm toán.

2. Tổ trưởng Tổ kiểm toán định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan đến Tổ kiểm toán với Trưởng Đoàn kiểm toán. Khi Tổ trưởng Tổ kiểm toán

nghỉ làm việc từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn kiểm toán.

3. Trưởng Đoàn kiểm toán định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan đến Đoàn kiểm toán với Kiểm toán trưởng. Trong trường hợp cần thiết có thể báo cáo trực tiếp với lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước phụ trách, nhưng đồng thời phải báo cáo Kiểm toán trưởng.

Khi Trưởng Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên phải ủy quyền cho 01 Phó trưởng Đoàn quản lý và điều hành Đoàn kiểm toán đồng thời phải báo cáo Kiểm toán trưởng. Phó trưởng Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn kiểm toán.

4. Khi phát hiện sai phạm trong Đoàn kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán có trách nhiệm báo cáo với cấp trên trực tiếp của thành viên đó, trường hợp cấp trên trực tiếp vi phạm thì báo cáo với cấp trên trực tiếp của cấp trên đó.

5. Chế độ báo cáo định kỳ do Kiểm toán trưởng, Trưởng Đoàn kiểm toán quy định.

Điều 26. Trình tự xử lý các dấu hiệu hoặc hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm toán

Trong khi thực hiện kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán phát hiện thấy có

những dấu hiệu hoặc hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm toán thì trình tự xử lý được thực hiện như sau:

1. Báo cáo với Tổ trưởng Tổ kiểm toán để cùng xem xét.

2. Yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình. Việc nghe giải trình phải có từ 02 thành viên trở lên và phải được ghi thành biên bản. Kết quả giải trình phải phản ánh trung thực, đầy đủ, kịp thời với Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán.

3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc cản trở hoạt động kiểm toán thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo ngay với Trưởng Đoàn kiểm toán để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước giải quyết theo quy định. Nếu hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng Đoàn kiểm toán phải kịp thời báo cáo Kiểm toán trưởng kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định chuyển hồ sơ vụ việc đó đến cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 15 và Điều 74 Luật kiểm toán nhà nước.

Điều 27. Bảo lưu ý kiến

1. Kiểm toán viên nhà nước, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có quyền bảo lưu ý kiến theo quy định tại Điều 48, Điều 47 và Điều 45 Luật kiểm toán nhà nước.

2. Việc bảo lưu ý kiến phải được lập thành văn bản ghi rõ nội dung ý kiến bảo lưu; cơ sở pháp lý và các bằng chứng làm cơ sở chứng minh cho ý kiến bảo lưu của mình; văn bản bảo lưu ý kiến phải ghi rõ ngày, tháng, năm và phải có chữ ký của người bảo lưu ý kiến.

3. Thời hạn bảo lưu ý kiến

- Kiểm toán viên nhà nước có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản và gửi tới Tổ trưởng Tổ kiểm toán trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày thông qua dự thảo biên bản kiểm toán tại Tổ kiểm toán.

- Tổ trưởng Tổ kiểm toán có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản và gửi tới Trưởng Đoàn kiểm toán trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thông qua dự thảo báo cáo kiểm toán tại Đoàn kiểm toán.

- Trưởng Đoàn kiểm toán có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản và gửi tới Kiểm toán trưởng trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày Kiểm toán trưởng thông qua dự thảo báo cáo kiểm toán hoặc gửi tới Tổng Kiểm toán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày Tổng Kiểm toán Nhà nước thông qua dự thảo báo cáo kiểm toán.

4. Việc xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Kiểm toán viên nhà nước trong thời

hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến của Kiểm toán viên nhà nước.

Nếu không thống nhất với việc giải quyết của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán, Kiểm toán trưởng hoặc Tổng Kiểm toán Nhà nước để giải quyết theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 4 Điều này;

b) Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

c) Kiểm toán trưởng có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

d) Tổng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến. Ý kiến giải quyết của Tổng Kiểm toán Nhà nước là ý kiến cuối cùng.

5. Văn bản bảo lưu ý kiến và văn bản giải quyết của người có thẩm quyền được lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán.

6. Trong khi chờ giải quyết ý kiến bảo lưu, người bảo lưu ý kiến vẫn phải

chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của người có thẩm quyền theo quy định của Luật kiểm toán nhà nước.

Điều 28. Trách nhiệm lập biên bản kiểm toán

1. Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải tổng hợp kết quả kiểm toán của các thành viên trong Tổ kiểm toán ngay trong quá trình kiểm toán để lập biên bản kiểm toán.

2. Chậm nhất 03 ngày kể từ khi kết thúc kiểm toán theo kế hoạch, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải hoàn thành dự thảo biên bản kiểm toán, họp Tổ kiểm toán để thảo luận và thống nhất về đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong dự thảo biên bản kiểm toán. Trước khi lấy ý kiến đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo kết quả kiểm toán với Trưởng Đoàn kiểm toán. Sau khi Trưởng Đoàn kiểm toán thông qua biên bản kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải tổ chức cuộc họp với đơn vị được kiểm toán để thông báo kết quả kiểm toán.

3. Chậm nhất 02 ngày kể từ khi thông báo kết quả kiểm toán với đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải gửi biên bản kiểm toán đã được người có thẩm quyền của đơn vị được kiểm toán ký xác nhận cho Trưởng Đoàn kiểm toán. Nếu quá thời hạn quy định trên mà đơn vị được kiểm toán không ký biên bản kiểm toán thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo

Trưởng Đoàn kiểm toán đề Trưởng đoàn báo cáo Kiểm toán trưởng. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, thu thập, củng cố hồ sơ, tài liệu làm căn cứ cho kết luận của Đoàn kiểm toán.

Kiểm toán trưởng có trách nhiệm báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước bằng văn bản cùng hồ sơ trình xét duyệt báo cáo kiểm toán.

Điều 29. Trách nhiệm lập báo cáo kiểm toán

1. Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm lập báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán ghi rõ các ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán.

2. Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm lấy ý kiến các thành viên Đoàn kiểm toán về dự thảo báo cáo kiểm toán. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày Đoàn kiểm toán kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải hoàn thành dự thảo báo cáo kiểm toán gửi Kiểm toán trưởng; trường hợp có ý kiến bảo lưu của thành viên Đoàn kiểm toán hoặc có ý kiến khác nhau giữa Trưởng Đoàn kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán thì phải ghi rõ. Trưởng Đoàn kiểm toán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của các ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán.

3. Trường hợp cần phải làm rõ thêm một số nội dung phục vụ cho việc lập báo cáo kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có quyền yêu cầu Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo, yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình, làm rõ.

4. Trong quá trình xét duyệt báo cáo kiểm toán, Tổng Kiểm toán Nhà nước có quyền yêu cầu Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo, yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình, làm rõ những vấn đề cần thiết.

Điều 30. Xử lý ý kiến giải trình của đơn vị được kiểm toán

Khi thảo luận với đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán nếu có ý kiến bất đồng thì Trưởng Đoàn kiểm toán được giữ nguyên ý kiến của mình và báo cáo với Kiểm toán trưởng trình Tổng Kiểm toán Nhà nước về ý kiến bất đồng đó kèm theo văn bản giải trình của đơn vị được kiểm toán và ý kiến của Đoàn kiểm toán để xem xét, kết luận.

Điều 31. Trường hợp hai Đoàn kiểm toán cùng triển khai kiểm toán tại một đơn vị được kiểm toán

Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nếu xảy ra trường hợp hai Đoàn kiểm toán cùng triển khai kiểm toán tại một đơn vị được kiểm toán thì hai Trưởng

đoàn phải thống nhất biện pháp phối hợp để một Đoàn thực hiện kiểm toán tại đơn vị. Nếu không khắc phục được thì các Trưởng đoàn phải báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định. Việc trao đổi thông tin hoặc sử dụng lại thông tin giữa các Đoàn kiểm toán phải trên nguyên tắc đề cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 32. Chế độ ăn, ở, đi lại

Việc ăn, ở, đi lại của Đoàn kiểm toán phải thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước và quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán; Văn phòng Kiểm toán Nhà nước hoặc Văn phòng Kiểm toán Nhà nước khu vực đảm bảo kinh phí, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước để Đoàn kiểm toán hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 33. Chế độ họp, giao ban

Trưởng Đoàn kiểm toán phải tổ chức họp Đoàn kiểm toán để quán triệt Quyết định kiểm toán, Kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán để thành viên Đoàn kiểm toán nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời hạn và phương pháp tiến hành kiểm toán; quán triệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán

và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung kiểm toán và đơn vị được kiểm toán. Kết thúc kiểm toán phải họp tổng kết công tác kiểm toán. Ngoài ra, trong quá trình triển khai kiểm toán tại đơn vị, tùy theo tình hình cụ thể, Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc Kiểm toán trưởng có thể triệu tập họp Đoàn kiểm toán khi xét thấy cần thiết.

Trưởng Đoàn kiểm toán tổ chức họp giao ban với các Tổ trưởng Tổ kiểm toán khi cần thiết; nội dung các cuộc họp, giao ban phải được ghi thành biên bản và được lưu trữ theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 34. Bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm tạo điều kiện để tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên sinh hoạt theo Điều lệ và kế hoạch của các tổ chức đó.

Điều 35. Trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ kiểm toán

Cuộc kiểm toán phải được lập thành hồ sơ, Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm toán và bàn giao hồ sơ kiểm toán cho bộ phận lưu trữ hồ sơ kiểm toán của đơn vị theo quy định. Khi giao nhận phải lập bảng kê danh mục tài liệu và ký nhận bảo đảm an toàn tài liệu.

Việc lập, quản lý và khai thác hồ sơ kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62 Luật kiểm toán nhà nước và theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Khen thưởng

1. Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm toán được khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Kiểm toán Nhà nước.

2. Cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất trong công tác kiểm toán được xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi có thành tích đột xuất.

Điều 37. Xử lý vi phạm

Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán có hành vi vi phạm pháp luật hoặc

vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn kiểm toán, các thành viên của Đoàn kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Vụ Pháp chế để tổng hợp báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Vụ Pháp chế chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và định kỳ tổng hợp báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Vương Đình Huệ